

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO
CẤP VINACONEX**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2009	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2009	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009	13 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex tiền thân là Nhà máy Đá ốp lát cao cấp Vinaconex, được thành lập theo Quyết định số 1719 QĐ/VC-TCLĐ ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam, nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Vinaconex”). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000293 ngày 02 tháng 6 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 06 lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu, ngày 16 tháng 6 năm 2009 là 150.000.000.000 VND.

Cơ cấu vốn góp điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex	69.115.760.000	46,08 %
Vốn góp của các cổ đông khác	80.884.240.000	53,92%
Cộng	150.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : KCN công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, Hà Nội
Điện thoại : (043) 3685 252/3685 828
Fax : (043) 3686 652
E-mail : vicostone@vnn.vn
Mã số thuế : 0 5 0 0 4 6 9 5 1 2

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến các loại khoáng sản;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, trang trí nội, ngoại thất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng;
- Đại lý;
- Buôn bán vật tư thiết bị chậm luân chuyển và thanh xử lý;
- Xây dựng công trình điện có cấp điện áp đến 35 KV;
- San lấp mặt bằng;
- Sản xuất và buôn bán bao bì bằng giấy, nhựa PE, mỹ phẩm, xà phòng, các chất tẩy rửa;
- Sản xuất, gia công các sản phẩm bằng gỗ, các sản phẩm bằng da;
- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc xuất khẩu; sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít;
- Sản xuất và chế biến hàng nông, lâm, thổ, hải sản.
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán);
- Tư vấn đào tạo trong lĩnh vực sản xuất;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Mua bán máy móc, thiết bị và nguyên liệu phục vụ sản xuất bao bì;
- Chuyển giao công nghệ;
- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 34).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch	14 tháng 03 năm 2007
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên	14 tháng 03 năm 2007
Ông Lưu Công An	Ủy viên	14 tháng 03 năm 2007
Ông Phạm Trí Dũng	Ủy viên	14 tháng 03 năm 2007
Ông Nguyễn Hữu Chương	Ủy viên	14 tháng 03 năm 2007

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng	Trưởng ban	07 tháng 04 năm 2009	
Ông Dương Văn Trường	Trưởng ban	27 tháng 12 năm 2004	07 tháng 04 năm 2009
Bà Nguyễn Thị Hoàn	Thành viên	27 tháng 12 năm 2004	07 tháng 04 năm 2009
Ông Đỗ Quang Bình	Thành viên	14 tháng 03 năm 2007	
Ông Nguyễn Xuân An	Thành viên	07 tháng 04 năm 2009	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Xuân Năng	Tổng Giám đốc	20 tháng 01 năm 2005
Ông Phạm Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 02 năm 2005
Ông Lưu Công An	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 05 năm 2005
Ông Nguyễn Quốc Trường	Phó Tổng Giám đốc	23 tháng 03 năm 2009
Ông Lương Xuân Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 06 năm 2009

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 





Hồ Xuân Năng

Ngày 30 tháng 01 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số: 21/2010/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BẾO CỎ TÀI CH NH HỢP NHẤT NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 01 năm 2010, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi muốn lưu ý với người đọc báo cáo về khoản được cấp về hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Công ty mẹ, số tiền 5.060.228.000 VND được ghi nhận vào thu nhập năm 2009 nhưng Công ty không tính vào thu nhập chịu thuế. Theo đó, số tiền thuế chưa được ghi nhận là 379.517.100 VND. Hiện tại, chưa có văn bản nào của Nhà nước về việc không phải nộp thuế đối với khoản hỗ trợ nêu trên. Theo ý kiến của doanh nghiệp, xét về bản chất kinh tế thì đây là khoản Nhà nước đã cấp hỗ trợ cho doanh nghiệp mà lại trích nộp thuế cho Nhà nước thì không hợp lý.

Báo cáo này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc để đối chiếu khi cần thiết.



Nguyễn Thị Tư
Số chứng chỉ KTV: Đ.0059/KTV

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lan
Số chứng chỉ KTV: 0300/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		696,924,950,220	339,075,511,020
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	266,516,002,376	80,990,023,097
1. Tiền		111		25,555,192,376	9,830,689,764
2. Các khoản tương đương tiền		112		240,960,810,000	71,159,333,333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	V.2	128,808,954,702	500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn		121		128,808,954,702	500,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		129	-	-	-
III. Các khoản phải thu		130		96,129,493,007	70,838,024,381
1. Phải thu của khách hàng		131	V.3	76,522,367,259	59,117,451,509
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	18,697,174,120	10,306,518,278
3. Phải thu nội bộ		133	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác		138	V.5	2,677,663,336	3,087,892,939
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		139	V.6	(1,767,711,708)	(1,673,838,345)
IV. Hàng tồn kho		140		193,114,008,295	182,611,886,654
1. Hàng tồn kho		141	V.7	193,836,795,495	183,991,981,675
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.8	(722,787,200)	(1,380,095,021)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		12,356,491,840	4,135,576,888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	1,894,537,346	2,426,305,549
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				8,572,594,739	1,020,822,488
3. Các khoản thuế phải thu		152		-	6,048,000
4. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.10	1,889,359,755	682,400,851

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		285,159,575,931	255,226,858,620
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		236,938,971,922	192,385,125,967
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.11	217,297,408,063	178,672,546,418
<i>Nguyên giá</i>		222		425,773,046,708	338,278,506,499
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(208,475,638,645)	(159,605,960,081)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.12	111,486,841	150,471,649
<i>Nguyên giá</i>		228		273,741,420	255,741,420
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(162,254,579)	(105,269,771)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.13	19,530,077,018	13,562,107,900
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		33,202,727,729	38,869,274,455
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.14	33,202,727,729	33,869,274,455
3. Đầu tư dài hạn khác		258		-	5,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		259		-	-
V. Lợi thế thương mại		269		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		270		15,017,876,280	23,972,458,198
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.15	13,702,304,808	23,518,631,987
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262	V.16	41,735,864	125,778,603
3. Tài sản dài hạn khác		268	V.17	1,273,835,608	328,047,608
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		982,084,526,151	594,302,369,640

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		565,699,069,771	276,765,576,956
I. Nợ ngắn hạn		310		412,575,189,231	134,462,192,849
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.18	372,210,949,861	93,967,366,845
2. Phải trả cho người bán		312	V.19	15,363,442,013	24,593,760,659
3. Người mua trả tiền trước		313		432,905,999	409,060,966
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước		314	V.20	14,425,553,163	7,753,711,013
5. Phải trả công nhân viên		315		2,161,579,916	716,547,420
6. Chi phí phải trả		316	V.21	7,711,874,999	6,554,143,333
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác		319	V.22	268,883,280	467,602,613
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
II. Nợ dài hạn		320		153,123,880,540	142,303,384,107
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.23	987,813,537	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.24	151,790,701,234	141,996,070,147
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		345,365,769	307,313,960
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		381,309,241,630	299,819,919,348
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.25	380,918,051,038	299,815,830,857
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		150,000,000,000	129,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		79,247,890,000	99,743,200,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		(3,664,858,472)	(1,124,748,992)
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		43,064,814,439	24,591,764,015
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		10,912,680,428	6,226,261,556
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		2,187,084,123	820,048,385
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		99,170,440,520	40,059,305,893
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB		421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		391,190,592	4,088,491
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		431	V.26	391,190,592	4,088,491
2. Nguồn kinh phí		432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		439		35,076,214,750	17,716,873,336
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		982,084,526,151	594,302,369,640

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1,335,433.22	111,028.79
Euro (EUR)		63,531.95	34,942.77
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Trần Thị Đức Hạnh

Kế toán trưởng

Lương Xuân Mẫn

Tổng Giám đốc

Hồ Xuân Năng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****Năm 2009**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	521,354,922,248	371,352,719,130
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.1	-	368,301,041
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	521,354,922,248	370,984,418,089
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	375,005,660,054	255,810,607,065
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		146,349,262,194	115,173,811,024
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16,504,070,497	14,397,475,610
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	33,471,685,733	31,784,822,590
Trong đó: chi phí lãi vay	23		20,620,364,054	24,468,364,515
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16,558,510,646	13,189,041,329
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	22,001,877,402	13,107,330,073
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90,821,258,910	71,490,092,642
11. Thu nhập khác	31	VI.7	12,065,057,391	11,072,433,119
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,108,871,095	42,407,948
13. Lợi nhuận khác	40		10,956,186,296	11,030,025,171
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(806,758,479)	(5,976,553)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		100,970,686,727	82,514,141,260
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	7,230,792,611	8,017,583,247
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		84,042,739	(125,778,603)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		93,655,851,377	74,622,336,616
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(9,764,586)	(198,814,365)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		93,665,615,963	74,821,150,981
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	6,244	5,335

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Trần Thị Đức Hạnh

Kế toán trưởng

Lương Xuân Mẫn

Tổng Giám đốc



Hồ Xuân Năng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		100,970,686,727	82,514,141,260
2. Điều chỉnh các khoản			60,972,167,832	59,737,414,277
- Khấu hao tài sản cố định	02		48,970,565,979	42,735,172,834
- Các khoản dự phòng	03		(563,434,458)	2,539,872,053
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		276,146,048	1,370,942,664
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8,331,473,791)	(11,376,937,789)
- Chi phí lãi vay	06		20,620,364,054	24,468,364,515
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước sự thay đổi của vốn lưu động	08		161,942,854,559	142,251,555,537
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(35,088,499,663)	(13,697,888,923)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(10,156,528,319)	(38,673,308,893)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(7,703,451,859)	27,879,454,120
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(6,529,043,824)	(14,080,938,818)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(19,343,028,255)	(40,185,636,523)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,367,144,528)	(6,667,366,444)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7,000,000	8,604,141,971
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(9,096,062,201)	(5,372,053,028)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		72,666,095,910	60,057,958,999
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(75,213,170,711)	(31,976,622,396)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(136,408,954,702)	(193,263,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8,100,000,000	197,184,453,810
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5,000,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,369,452,991	11,636,629,213
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(190,152,672,422)	(21,418,539,373)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		17,308,002,400	67,075,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33		513,746,703,727	373,804,572,193
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(225,924,306,770)	(375,892,524,176)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,497,600,000)	(39,107,724,076)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		303,632,799,357	25,879,323,941
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20 + 30 + 40)	50		186,146,222,845	64,518,743,567
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		80,990,023,097	16,510,264,920
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(620,243,566)	(38,985,390)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm (50 + 60 + 61)	70		266,516,002,376	80,990,023,097

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Trần Thị Đức Hạnh

Kế toán trưởng

Lương Xuân Mẫn

Tổng Giám đốc



Hồ Xuân Năng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất

3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**

- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, trang trí nội, ngoại thất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng.

4. **Công ty con, Công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex có 04 Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính năm 2009 và 01 Công ty liên kết.

4.1 *Danh sách Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ*

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/09	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/09
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico	Cao ốc 137 Lê Quang Định, phường 14, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	51,67%	51,00%
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị (*)	Xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	43,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Bình Định	Xã Mỹ Thắng, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định	43,06%	58,00%

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị chiếm 30% vốn điều lệ nhưng vẫn được hợp nhất vào Báo cáo tài chính này do Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico, Công ty con của Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex, có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này với toàn bộ thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty con là đại diện phần vốn của Công ty mẹ.

4.2 *Công ty liên kết*

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu tại ngày 31/12/09	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/09
Công ty Cổ phần Style Stone	KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội	35%	35%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 5 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, các Báo cáo tài chính của Công ty con và Báo cáo tài chính của Công ty liên kết.

Các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập bằng cách cộng từng chỉ tiêu thuộc Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con sau đó thực hiện điều chỉnh cho các nội dung sau:

- Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong Công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được loại trừ toàn bộ;
- Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Giá trị các khoản mục phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ hoàn toàn;
- Các chỉ tiêu doanh thu, chi phí phát sinh từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa Công ty mẹ và Công ty con, cổ tức, lợi nhuận đã phân chia và đã ghi nhận được loại trừ toàn bộ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 11
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	5 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm tính từ thời điểm thu được tiền trái phiếu phát hành.

8. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty con được điều chỉnh loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty mẹ và sử dụng chính sách kế toán nhất quán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay công ty liên doanh (thông thường là các công ty mà Công ty mẹ sở hữu từ 20% đến 50% quyền biểu quyết). Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu niêm yết và các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm.

Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Giá trị thương hiệu

Giá trị thương hiệu của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam được phân bổ trong 5 năm.

Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ vào chi phí kinh doanh với thời gian là 24 tháng đối với trái phiếu kỳ hạn 3 năm và 12 tháng đối với trái phiếu kỳ hạn 1 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng và được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên Hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

11. Quỹ khoa học công nghệ

Quỹ khoa học công nghệ được trích lập với tỷ lệ 1% trên lợi nhuận kế toán trước khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tỷ lệ trích quỹ đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 phê duyệt.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ. Hoạt động chính của Công ty là Kinh doanh xuất nhập khẩu, tổng số lao động sử dụng bình quân thường xuyên là 330 người, đồng thời Công ty được thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp. Theo đó, Công ty được hưởng Thuế thu nhập Doanh nghiệp theo Thông tư số 88/2003/TT-BTC ngày 01/09/2004 sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính Phủ, chi tiết như sau:

Được hưởng thuế suất ưu đãi là 15%, áp dụng trong thời gian 12 năm kể từ khi Công ty Cổ phần bắt đầu đi vào hoạt động (từ năm 2005 đến hết năm 2016).

Được miễn thuế 3 năm (năm 2006, 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2015).

Năm tài chính 2009 là năm thứ nhất Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Năm 2008 Công ty đã kê khai và nộp 50% thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%. Hiện tại, Công ty đang làm thủ tục xin hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp của năm 2008.

Công ty con: Năm 2009, tại các Công ty con chưa phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
25.723,81 VND/EUR

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động xuất khẩu thành phẩm sản xuất. Khi bán thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.419.457.903	1.045.682.216
Tiền gửi ngân hàng	24.135.734.473	8.785.007.548
Các khoản tương đương tiền	240.960.810.000	71.159.333.333
<i>Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>	<i>240.960.810.000</i>	<i>71.159.333.333</i>
Cộng	<u>266.516.002.376</u>	<u>80.990.023.097</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là khoản cho vay ngắn hạn	128.808.954.702	500.000.000

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ hoạt động xuất khẩu	50.462.569.762	18.723.054.910
Phải thu từ các khách hàng trong nước	26.059.797.497	40.394.396.599
Cộng	<u>76.522.367.259</u>	<u>59.117.451.509</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các nhà cung cấp NVL nước ngoài	15.172.536.285	8.713.554.189
Trả trước cho các nhà cung cấp HHDV trong nước	3.524.637.835	1.592.964.089
Cộng	<u>18.697.174.120</u>	<u>10.306.518.278</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về tiền lãi cho vay ngắn hạn	-	268.291.667
Phải thu về lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.393.853.736	272.796.222
Phải thu về tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	-	1.233.991.000
Giá trị hàng biếu, tặng chưa có nguồn bù đắp	-	1.013.856.673
Các khoản phải thu khác	283.809.600	298.957.377
Cộng	<u>2.677.663.336</u>	<u>3.087.892.939</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(29.919.953)	(83.433.945)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(127.081.690)	(166.895.050)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	(1.610.710.065)	(1.423.509.350)
Cộng	<u>(1.767.711.708)</u>	<u>(1.673.838.345)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	40.563.293.227	40.156.650.479
Công cụ, dụng cụ	6.872.330.551	5.889.281.913
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.224.760.841	14.169.736.560
Thành phẩm	118.559.030.609	123.776.312.723
Hàng hóa	17.617.380.267	-
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng	<u>193.836.795.495</u>	<u>183.991.981.675</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho thành phẩm tồn kho, tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	1.380.095.021
Trích lập dự phòng	-
Hoàn nhập dự phòng	(657.307.821)
Số cuối năm	<u>722.787.200</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.426.305.549	8.055.471.932	8.590.729.552	1.891.047.929
Phí bảo hiểm	-	9.663.000	6.173.583	3.489.417
Chi phí khác	-	36.220.000	36.220.000	-
Cộng	<u>2.426.305.549</u>	<u>8.101.354.932</u>	<u>8.633.123.135</u>	<u>1.894.537.346</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản tạm ứng chưa thu hồi	1.889.359.755	682.400.851

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	46.878.812.242	272.077.738.420	12.840.604.665	899.481.168	5.581.870.004	338.278.506.499
Tăng do mua sắm mới	-	52.881.823.925	2.249.678.619	2.334.224.016	-	57.465.726.560
Tăng do XDCB hoàn thành	30.383.799.392	334.364.862	-	-	-	30.718.164.254
Giảm khác trong năm	(666.457.467)	(22.893.138)	-	-	-	(689.350.605)
Số cuối năm	76.596.154.167	325.271.034.069	15.090.283.284	3.233.705.184	5.581.870.004	425.773.046.708
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	12.951.509.175	140.302.418.106	4.038.159.417	436.465.016	1.877.408.367	159.605.960.081
Khấu hao trong năm	7.094.571.897	38.874.233.647	1.714.070.716	532.708.903	697.996.008	48.913.581.171
Giảm khác trong năm	(41.850.318)	(2.052.289)	-	-	-	(43.902.607)
Số cuối năm	20.004.230.754	179.174.599.464	5.752.230.133	969.173.919	2.575.404.375	208.475.638.645
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	33.927.303.067	131.775.320.314	8.802.445.248	463.016.152	3.704.461.637	178.672.546.418
Số cuối năm	56.591.923.413	146.096.434.605	9.338.053.151	2.264.531.265	3.006.465.629	217.297.408.063

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 351.743.943.734 VND và 154.870.400.627 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và vay ngắn hạn của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây.

Một số tài sản cố định của Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 3.050.788.517 VND và 2.659.188.764 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính

	Năm nay	Năm trước
Nguyên giá		
Số đầu năm	255.741.420	229.967.400
Tăng trong năm do mua sắm mới	18.000.000	25.774.020
Số cuối năm	273.741.420	255.741.420
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	105.269.771	57.056.873
Khấu hao tăng trong năm	56.984.808	48.212.898
Số cuối năm	162.254.579	105.269.771
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	150.471.649	172.910.527
Số cuối năm	111.486.841	150.471.649

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	12.150.000	53.453.714.665	53.464.678.300	1.186.365	-
Xây dựng cơ bản	13.549.957.900	36.328.669.291	29.949.466.129	399.084.044	19.530.077.018
Mở rộng mặt bằng Vicostone	246.434.920	-	-	-	246.434.920
Nhà trẻ Vicostone	2.232.894	807.254.456	809.487.350	-	-
Nhà điều hành Công ty	2.816.234.965	5.762.523.514	8.578.758.479	-	-
Hệ thống điện Breton	334.364.862	-	334.364.862	-	-
Tường rào	27.408.800	483.753.135	511.161.935	-	-
Xưởng sản xuất gạch và sân bãi	-	603.953.921	502.203.786	101.750.135	-
Đường nội bộ giai đoạn 2	-	920.162.891	738.959.922	181.202.969	-
Hạ tầng quanh nhà điều hành	-	1.205.870.774	1.205.870.774	-	-
Móng dây chuyền mài bóng bổ sung	-	1.269.052.611	1.269.052.611	-	-
Hệ thống điện động lực	-	1.533.626.911	-	-	1.533.626.911
Hạng mục phụ trợ	8.970.401.198	1.779.692.522	10.750.093.720	-	-
Nhà ăn ca	836.121.632	2.549.733.148	3.385.854.780	-	-
Dự án KDL sinh thái Đồng Nai	-	17.475.228.397	-	-	17.475.228.397
Chi phí BQLDA	316.758.629	383.917.258	597.075.947	103.599.940	-
Các công trình khác	-	1.553.899.753	1.266.581.963	12.531.000	274.786.790
Cộng	13.562.107.900	89.782.383.956	83.414.144.429	400.270.409	19.530.077.018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào liên doanh	33.202.727.729	33.869.274.455
Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Style Stone, tỷ lệ vốn đầu tư theo giấy phép và thực tế góp là 35%. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:		
Tỷ lệ vốn cam kết góp		35%
Vốn góp đến ngày 31/12/2009		35.000.000.000
Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu		(1.797.272.271)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2009		33.202.727.729

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Giá trị thương hiệu TCT Vinaconex	900.000.000	-	300.000.000	-	600.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	1.125.000.000	2.475.000.000	956.250.000	-	2.643.750.000
Tiền thuê đất	1.515.849.456	1.520.000.000	657.192.325	-	2.378.657.131
Chi phí bảo hiểm	21.520.833	87.886.500	58.986.207	-	50.421.126
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	135.088.033	119.866.364	44.066.904	-	210.887.493
Chi phí trồng và chăm sóc cây xanh	-	357.951.182	98.871.422	-	259.079.760
Chi phí trang trí nhà điều hành	-	384.228.364	176.104.665	-	208.123.699
Đường dân sinh	-	181.202.969	45.300.745	-	135.902.224
Xưởng gạch Block	-	562.103.603	93.683.934	-	468.419.669
San nền bổ sung	-	223.636.364	18.636.364	-	205.000.000
Hệ thống Greenguard	-	803.281.500	115.406.250	-	687.875.250
Chi phí thành lập doanh nghiệp	9.625.000	-	3.300.000	-	6.325.000
Công cụ, dụng cụ	319.793.795	672.410.115	358.248.024	-	633.955.886
Chi phí nội thất văn phòng	225.898.150	-	90.359.257	-	135.538.893
NM khai thác và chế biến thạch anh	1.283.694.295	3.606.673.094	-	-	4.890.367.389
Khu du lịch sinh thái Đồng Nai	17.982.162.425	3.209.897.631	936.749.000	20.255.311.056	-
Chi phí trước hoạt động khai thác khoáng sản	-	188.001.288	-	-	188.001.288
Cộng	23.518.631.987	14.392.138.974	3.953.155.097	20.255.311.056	13.702.304.808

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINA CONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Hoàn nhập trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Liên quan đến khoản lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm	121.677.706	-	(107.155.040)	14.522.666
Liên quan đến khoản lãi nội bộ tập đoàn chưa thực hiện	4.100.897	23.378.587	(266.286)	27.213.198
Cộng	125.778.603	23.378.587	(266.286)	41.735.864

17. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.273.835.608	328.047.608

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	174.886.685.864	63.967.366.845
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây</i>	<i>5.576.883.164</i>	<i>18.193.364.538</i>
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam</i>	<i>118.675.370.969</i>	<i>4.687.033.588</i>
<i>Ngân hàng Hồng Kông - Thượng Hải HSBC</i>	<i>39.634.431.731</i>	<i>41.086.968.719</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội</i>	<i>11.000.000.000</i>	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	-
<i>Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam</i>	-	-
<i>Tổng Công ty CP XNK&ĐT xây dựng Việt Nam</i>	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	32.324.263.997	30.000.000.000
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	165.000.000.000	-
<i>Trái phiếu chuyển đổi phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư Red River Holding, kỳ hạn 1 năm tính từ khi phát hành 27/11/2009, lãi suất 8,5%/năm</i>	<i>100.000.000.000</i>	-
<i>Trái phiếu chuyển đổi phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư Ngân hàng TMCP Tiên Phong, kỳ hạn 1 năm tính từ khi phát hành 27/11/2009, lãi suất 8,5%/năm</i>	<i>65.000.000.000</i>	-
Cộng	372.210.949.861	93.967.366.845

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	63.967.366.845	306.681.850.212	-	195.619.321.593	143.209.600	174.886.685.864
Vay ngắn hạn tổ chức	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	30.000.000.000	-	32.324.263.997	30.000.000.000	-	32.324.263.997
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-	165.000.000.000	-	-	165.000.000.000
Cộng	93.967.366.845	306.681.850.212	197.324.263.997	225.619.321.593	143.209.600	372.210.949.861

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp HHDV trong nước	1.693.826.354	21.462.068.186
Phải trả các nhà cung cấp NVL nước ngoài	13.669.615.659	3.131.692.473
Cộng	15.363.442.013	24.593.760.659

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	388.381.831	580.279.839	968.661.670	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	276.666.736	1.694.508.186	1.971.174.922	-
Thuế nhập khẩu	5.515.083.344	4.877.447.517	3.354.157.328	7.038.373.533
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.347.216.803	7.230.792.611	1.367.144.528	7.210.864.886
Tiền thuê đất	-	54.014.000	54.014.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	199.776.850	397.070.878	445.876.108	150.971.620
Các loại thuế khác	20.537.449	44.162.721	39.357.046	25.343.124
Cộng	7.747.663.013	14.878.275.752	8.200.385.602	14.425.553.163

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thành phẩm tiêu thụ trong nước	10%
Thành phẩm xuất khẩu	0%
Vật tư khác	5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (Xem thuyết minh số IV.13).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	100.970.686.727	82.514.141.260
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(4.993.675.251)	(2.338.308.788)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.296.869.434	2.074.682.212
+ Các khoản chi phí không hợp lệ	181.059.313	41.478.938
+ Lãi CLTG chưa thực hiện năm trước	-	353.425.018
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.216.777.057
+ Phần lỗ trong Công ty liên kết	806.758.479	411.720.155
+ Giá trị lợi thế thương mại	-	10.272.075
+ Lãi nội bộ chưa thực hiện	309.051.642	41.008.969
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.290.544.685)	(4.412.991.000)
+ Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	(5.060.228.000)	(4.412.991.000)
+ CLTG đã ghi nhận vào KQKD năm 2008	(154.165.607)	-
+ Chi phí CC, DC đã ghi nhận vào KQKD nhưng chưa khấu trừ thuế	(36.051.593)	-
+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(1.040.099.485)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập chịu thuế	95.977.011.476	80.175.832.472
Thuế TNDN dự tính phải nộp (*)	7.210.864.885	8.017.583.247
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	19.927.726	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.230.792.611	8.017.583.247

(*) Trong đó:

	Thu nhập chịu thuế	Thuế suất	Chi phí thuế TNDN
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	96.144.865.138	7,5%	7.210.864.885
Công ty Cổ phần Chế tác Đá Việt Nam	(167.853.662)	25%	-
Cộng	95.977.011.476		7.210.864.885

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	-	26.060.000
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	7.711.874.999	6.387.500.000
Tiền thuê đất phải trả	-	140.583.333
Cộng	7.711.874.999	6.554.143.333

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	32.140.087	36.810.171
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	10.791.751	418.448.953
Các khoản khác	225.951.442	12.343.489
Cộng	268.883.280	467.602.613

23. Phải trả dài hạn khác

Là quỹ khoa học công nghệ, chi tiết:

Số đầu năm	-
Số trích lập trong năm	1.020.670.680
Chi quỹ trong năm	(32.857.143)
Số cuối năm	987.813.537

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ dài hạn	51.790.701.234	41.996.070.147
Vay dài hạn Ngân hàng Công thương Hà Tây	45.889.426.412	38.853.152.770
Hợp đồng tín dụng số 01070004/TD-Vinaconex ngày 20/10/2001, vay để đầu tư dây chuyền sản xuất đá ốp lát nhân tạo với chất kết dính hữu cơ (BretonStone). Thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 28/06/2011	10.761.650.595	30.761.650.595
Hợp đồng tín dụng số 03070001/TD-Vinaconex ngày 26/08/2003, vay để đầu tư dây chuyền sản	-	8.091.502.175

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>xuất đá ốp lát nhân tạo với chất kết dính hữu cơ (TeraStone). Thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 24/12/2010.</i>		
<i>Hợp đồng tín dụng số 10/2009/DH/NHCT-VICOSTONE ngày 21/10/2009, cho vay đầu tư dự án mở rộng NM ốp lát cao cấp Vinaconex giai đoạn 1. Thời hạn vay là 86 tháng.</i>	35.127.775.817	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	3.565.356.622	-
<i>Hợp đồng tín dụng VHN CDT 090958M ngày 30/09/2009, vay để nhập khẩu máy móc thiết bị mới từ Breton S.P.A Italy.</i>	3.565.356.622	-
Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư phát triển Hà Tây	2.335.918.200	3.142.917.377
<i>Hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐTD ngày 4/10/2007, vay để xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chế tác đá trang trí nội thất. Thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 25/09/2014.</i>	2.335.918.200	3.142.917.377
Trái phiếu	100.000.000.000	100.000.000.000
<i>Trái phiếu chuyển đổi phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư Beira Limited, kỳ hạn 3 năm tính từ ngày phát hành 22/05/2008, lãi suất 10,5%/năm.</i>	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	151.790.701.234	141.996.070.147

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	84.114.965.231	32.324.263.997	51.790.701.234
Trái phiếu phát hành	265.000.000.000	165.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	349.114.965.231	197.324.263.997	151.790.701.234

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn Ngân hàng	41.996.070.147	42.064.853.515	359.026.746	304.985.177	32.324.263.997	51.790.701.234
NH Công thương VN	38.853.152.770	34.973.488.168	154.287.649	-	28.091.502.175	45.889.426.412
NH TNHH 1 thành viên HSBC VN	-	7.091.365.347	39.347.897	-	3.565.356.622	3.565.356.622
NH Đầu tư và Phát triển Hà Tây	3.142.917.377	-	165.391.200	304.985.177	667.405.200	2.335.918.200
Trái phiếu chuyển đổi	100.000.000.000	165.000.000.000	-	-	165.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	141.996.070.147	207.064.853.515	359.026.746	304.985.177	197.324.263.997	151.790.701.234

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	41.000.000.000	-	1.401.198.383	422.078.746	-	39.512.419.271	182.335.696.400
Tăng vốn trong năm trước	29.500.000.000	59.250.000.000	(1.124.748.992)	-	-	-	-	87.625.251.008
Giảm vốn năm trước	-	(506.800.000)	-	-	-	-	-	(506.800.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	74.821.150.981	74.821.150.981
PP lợi nhuận năm 2007	-	-	-	15.172.982.385	2.050.120.964	1.320.048.385	(34.346.157.420)	(15.803.005.686)
<i>Trích lập các quỹ</i>				<i>15.172.982.385</i>	<i>2.050.120.964</i>	<i>1.320.048.385</i>	<i>(19.628.333.180)</i>	<i>(1.085.181.446)</i>
<i>Chia cổ tức năm</i>							<i>(14.717.824.240)</i>	<i>(14.717.824.240)</i>
Tạm PP LN năm 2008	-	-	-	8.017.583.247	3.754.061.846	-	(39.928.106.939)	(28.156.461.846)
<i>Trích lập các quỹ</i>				<i>8.017.583.247</i>	<i>3.754.061.846</i>		<i>(15.525.706.939)</i>	<i>(3.754.061.846)</i>
<i>Tạm ứng cổ tức</i>							<i>(24.402.400.000)</i>	<i>(24.402.400.000)</i>
Chi quỹ năm trước						(500.000.000)		(500.000.000)
Số dư cuối năm trước	129.500.000.000	99.743.200.000	(1.124.748.992)	24.591.764.015	6.226.261.556	820.048.385	40.059.305.893	299.815.830.857
Số dư đầu năm nay	129.500.000.000	99.743.200.000	(1.124.748.992)	24.591.764.015	6.226.261.556	820.048.385	40.059.305.893	299.815.830.857
Tăng trong năm	20.500.000.000	-	1.124.748.992					21.624.748.992
Giảm trong năm	-	(20.495.310.000)	(3.664.858.472)					(24.160.168.472)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	93.665.615.963	93.665.615.963
PP lợi nhuận năm 2008	-	-	-	11.262.185.538	-	3.378.655.661	(18.766.284.491)	(4.125.443.292)
<i>Trích lập các quỹ</i>				<i>11.262.185.538</i>		<i>3.378.655.661</i>	<i>(14.640.841.199)</i>	-
<i>Trích quỹ KT, PL</i>							<i>(2.627.843.292)</i>	<i>(2.627.843.292)</i>
<i>Chia cổ tức năm</i>							<i>(1.497.600.000)</i>	<i>(1.497.600.000)</i>
Tạm PP lợi nhuận năm 2009	-	-	-	7.210.864.886	4.686.418.872	-	(15.436.953.134)	(3.539.669.376)
<i>Trích lập các quỹ</i>				<i>7.210.864.886</i>	<i>4.686.418.872</i>	-	<i>(11.897.283.758)</i>	-
<i>Trích quỹ KT, PL</i>							<i>(3.539.669.376)</i>	<i>(3.539.669.376)</i>
Chi quỹ trong năm						(2.011.619.923)	(351.243.711)	(2.362.863.634)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	79.247.890.000	(3.664.858.472)	43.064.814.439	10.912.680.428	2.187.084.123	99.170.440.520	380.918.051.038

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINA CONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex	69.115.760.000	59.670.000.000
Vốn đầu tư của các cổ đông khác	80.884.240.000	69.830.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	79.247.890.000	99.743.200.000
Cộng	229.247.890.000	229.243.200.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	1.497.600.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	1.497.600.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	12.950.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	12.950.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>12.950.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	12.950.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>12.950.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	-	3.844.813.287	7.000.000	3.585.810.000	266.003.287
Quỹ phúc lợi	4.088.491	2.322.699.381	-	2.201.600.567	125.187.305
Cộng	4.088.491	6.167.512.668	7.000.000	5.787.410.567	391.190.592

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	521.354.922.248	371.352.719.130
- Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	445.209.434.737	326.820.727.816
- Doanh thu bán thành phẩm trong nước	1.869.641.350	6.797.156.325
- Doanh thu kinh doanh nguyên liệu, vật liệu	69.608.599.922	32.323.140.782
- Doanh thu hoạt động xây dựng	-	1.143.897.530
- Doanh thu dịch vụ khác	4.667.246.239	1.572.076.040
- Doanh thu thành phẩm tiêu thụ nội bộ	-	2.695.720.637
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(368.301.041)
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	(368.301.041)
Doanh thu thuần	521.354.922.248	370.984.418.089
Trong đó:		
- Doanh thu thuần hoạt động xuất khẩu	445.209.434.737	326.452.426.775
- Doanh thu thuần tiêu thụ trong nước	76.145.487.511	44.531.991.314

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm xuất khẩu	306.118.588.376	221.231.982.990
Giá vốn của thành phẩm tiêu thụ trong nước	7.061.572.220	4.035.258.331
Giá vốn nguyên liệu, vật liệu đã bán	60.078.315.019	24.347.502.134
Giá vốn hoạt động xây dựng	-	715.597.771
Giá vốn dịch vụ khác	2.404.492.260	411.298.019
Giá vốn thành phẩm tiêu thụ nội bộ	-	3.688.872.799
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(657.307.821)	1.380.095.021
Cộng	375.005.660.054	255.810.607.065

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.488.164.127	10.411.982.646
Lãi tiền cho vay ngắn hạn	1.985.838.032	1.283.991.667
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.029.936.996	2.699.354.230
Chiết khấu thanh toán	131.342	2.147.067
Cộng	16.504.070.497	14.397.475.610

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.028.989.054	18.080.864.515
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	6.591.375.000	6.387.500.000
Chi phí phát hành trái phiếu	956.250.000	375.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.618.925.631	5.570.515.411
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	276.146.048	1.370.942.664
Cộng	33.471.685.733	31.784.822.590

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.273.358.947	3.228.481.114
Chi phí vật liệu bao bì	4.895.782.361	2.995.976.331
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	464.988.689	793.864.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.453.388	22.551.528
Chi phí hàng mẫu	406.115.911	354.250.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.116.357.578	5.130.071.232
Chi phí bằng tiền khác	381.453.772	663.845.563
Cộng	16.558.510.646	13.189.041.329

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.150.013.497	4.735.187.444
Chi phí vật liệu quản lý	74.950.670	87.270.383
Chi phí đồ dùng văn phòng	810.178.615	386.963.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.648.275.355	891.784.362
Thuế, phí và lệ phí	334.247.026	330.459.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.193.937.644	1.733.568.459
Chi phí bằng tiền khác	5.396.401.232	3.472.047.766
Giá trị thương hiệu phân bổ trong năm	300.000.000	300.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	93.873.363	1.159.777.032
Lợi thế thương mại	-	10.272.075
Cộng	22.001.877.402	13.107.330.073

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	5.060.228.000	4.412.991.000
Thu từ thuế nhập khẩu được hoàn	5.916.236.974	5.874.073.569
Các khoản thu khác	1.088.592.417	785.368.550
Cộng	12.065.057.391	11.072.433.119

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	93.665.615.963	74.821.150.981
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	93.665.615.963	74.821.150.981
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	14.024.035
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.244	5.335

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	12.950.000	10.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	1.974.035
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng trong năm đến cổ phiếu thưởng đầu năm	2.050.000	2.050.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	14.024.035

(*) Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được miễn giảm.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tăng vốn điều lệ bằng phát hành cổ phiếu thưởng	20.495.310.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.250.426.783	954.251.083
Tiền thưởng	1.100.215.000	662.180.700
Cộng	3.350.641.783	1.616.431.783

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần XNK và XD Việt Nam	Cổ đông chính
Công ty TNHH Beira	Cổ đông chiến lược
Công ty Cổ phần STYLE - STONE	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Cổ phần XNK và XD Việt Nam		
Cổ tức phải trả	-	7.592.114.094
Tạm ứng cổ tức năm 2008	-	11.934.000.000
Lãi vay vốn phải trả	-	60.324.600
Chuyển đổi nợ vay thành vốn góp	-	21.675.000.000
Công ty TNHH Beira		
Phát hành 750.000 cổ phiếu	-	33.750.000.000
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	100.000.000.000
Lãi trái phiếu phải trả	10.616.666.666	6.387.500.000
Công ty Cổ phần Style Stone		
Doanh thu cung cấp vật tư, thành phẩm, dịch vụ	70.033.507.318	39.430.877.720
Vay ngắn hạn	-	92.000.000.000
Mua đá thành phẩm	75.732.975.390	-
Chi phí gia công đá thành phẩm	4.489.597.438	-
Tiền lãi cho vay ngắn hạn	1.345.560.699	-
Chi hộ tiền ăn ca	6.540.000	-
Chi hộ tiền nước	111.417.124	-
Tiền ăn ca phải trả	46.162.500	-
Cho vay ngắn hạn	192.923.602.702	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Style Stone, gồm:		
Phải thu tiền cung cấp vật tư, thành phẩm	20.759.449.472	36.900.581.467
Cho vay ngắn hạn còn phải thu	128.108.954.702	-
Phải thu khác	-	78.468.453
Cộng nợ phải thu	148.868.404.174	37.631.597.517
Tổng Công ty Cổ phần XNK và XD Việt Nam		
Chi phí lãi vay phải trả	-	26.060.000
Công ty TNHH Beira, gồm:		
Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
Lãi trái phiếu phát hành	6.504.166.666	6.387.500.000
Cộng nợ phải trả	111.867.320.505	106.387.500.000

2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT CAO CẤP VINACONEX

Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.15). Theo đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 2.680.320.233 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội. Riêng chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm trước, số tiền 6.249 VND/cổ phiếu, năm 2009 do ảnh hưởng của việc chia cổ phiếu thưởng nên chỉ tiêu này được xác định lại và trình bày trên cột số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh là 5.335 VND/cổ phiếu (*xem thêm thuyết minh VI.8*).

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Đức Hạnh

Lương Xuân Mẫn

Hồ Xuân Năng